

Hạ Long, ngày 26 tháng 5 năm 2009

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Cửa hàng xăng dầu cấp I tại xã Hoành Mô, huyện Bình Liêu

UỶ BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NINH

Căn cứ Luật Tổ chức HĐND và UBND tỉnh ngày 26/11/2003;

Căn cứ Luật Xây dựng ngày 26/11/2003; Nghị định số 08/2005/NĐ-CP ngày 24/01/2005 của Chính phủ về quy hoạch xây dựng đô thị; Thông tư số 07/2008/TT-BXD ngày 07/4/2008 của Bộ Xây dựng Hướng dẫn lập, thẩm định, phê duyệt và quản lý quy hoạch xây dựng;

Căn cứ Quyết định số 4444/2007/QĐ-UBND ngày 29/11/2007 của UBND tỉnh "V/v ban hành quy định về trình tự chấp thuận địa điểm xây dựng và lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng...";

Căn cứ Quyết định số 84/QĐ-UBND ngày 08/01/2009 của UBND tỉnh "V/v chấp thuận địa điểm xây dựng Cửa hàng xăng dầu cấp I tại xã Hoành Mô, huyện Bình Liêu";

Xét đề nghị của Sở Xây dựng tại văn bản số 228/SXD-QH ngày 19/5/2009 và Hồ sơ đồ án quy hoạch đã được UBND huyện Bình Liêu thỏa thuận; Sở Xây dựng thẩm định, trình.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Cửa hàng xăng dầu cấp I tại xã Hoành Mô, huyện Bình Liêu với các nội dung sau:

1. Phạm vi, ranh giới:

- Phạm vi: tại xã Hoành Mô, huyện Bình Liêu; có giới hạn như sau:

+ Phía Đông giáp đất trồng màu;

+ Phía Tây giáp đường hiện có;

+ Phía Nam, Bắc giáp đất trồng và nhà dân hiện có;

- Tổng diện tích đất quy hoạch: 6.509m²; trong đó:

+ Ranh giới: A1.A2.A3.A4.A5; diện tích: 3.884m² (để đầu tư xây dựng Cửa hàng xăng dầu);

+ Ranh giới: A2.A6.A7.A8.A2.A3; diện tích: 2.625m² (để đầu tư xây dựng tuyến đường theo quy hoạch);

2. Mục đích: đầu tư xây dựng Cửa hàng xăng dầu cấp I;

3. Các chỉ tiêu cơ bản:

- Bảng cân bằng sử dụng đất:

| STT | Loại đất | Diện tích (m ²) | Tỷ lệ (%) |
|-----|---|-----------------------------|-----------|
| 1 | Đất xây dựng Cửa hàng xăng dầu | 3.884 | 100 |
| 1 | Đất xây dựng công trình | 998,4 | 25,7 |
| 2 | Đất cây xanh | 586 | 15,08 |
| 3 | Đất sân đường nội bộ | 1.998,6 | 51,45 |
| 4 | Kè đá | 301 | 7,77 |
| II | Đất xây dựng tuyến đường theo quy hoạch | 2.625 | |

- Bảng danh mục sử dụng đất:

| STT | Danh mục sử dụng đất | Diện tích đất (m ²) | Thông số kỹ thuật | Số lượng |
|-----|-------------------------------|---------------------------------|-------------------|----------|
| 1 | Lối ra, vào cửa hàng | | | 2 |
| 2 | Mái che cột bơm (số 1) | 215 | 12mx18m | 01 mái |
| 3 | Văn phòng quản lý (số 2) | 66 | 6,6mx10m | 01 nhà |
| 4 | Bể chứa xăng dầu (số 3) | 105 | 25m ³ | 03 bể |
| 5 | Kho dầu mỡ nhờn (số 4) | 40 | 3mx5m | 01 kho |
| 6 | Bể nước chữa cháy (số 5) | 9 | 2mx4,5m | 01 bể |
| 7 | Bể cát cứu hỏa (số 6) | 9m | 2mx4,5m | 03 bể |
| 8 | Bể lắng gạn váng dầu (số 7) | 5,4 | 2mx2,7m | 01 bể |
| 9 | Cửa hàng tự chọn (số 8) | 135 | 9mx15m | 01 nhà |
| 10 | Xưởng sửa chữa (số 9) | 162 | 9mx18m | 01 nhà |
| 11 | Nhà vệ sinh công cộng (số 10) | 27 | 3mx9m | 01 nhà |
| 12 | Khu rửa xe (số 11) | 105 | 8,9x11,8m | 01 khu |
| 13 | Nhà nghỉ ca (số 12) | 90 | 6mx15m | 01 nhà |
| 14 | Bể nước ngầm (số 13) | 30 | 5mx6m | 01 bể |
| 15 | Cây xanh (số 14) | 586 | | |
| 16 | Kè đá | 301 | | |

- Mật độ xây dựng: 25,7%;

- Chỉ giới xây dựng theo hồ sơ đã được Sở Xây dựng thẩm định; UBND tỉnh phê duyệt;

4. Quy hoạch hạ tầng kỹ thuật:

a. San nền:

- Cao độ thiết kế: căn cứ cao độ đường và khu dân cư hiện trạng;
- Hướng dốc từ Nam về Bắc; cao độ cao nhất +204,2m, cao độ thấp nhất +203,9m;

b. Giao thông:

- Đầu nối giao thông vào tuyến đường hiện trạng theo phương án quy hoạch;
- Giao thông nội bộ chủ yếu là hệ thống sân đường bê tông;
- Thiết kế tuyến đường gom mặt cắt 1-1: 7,5mx3m=10,5m phía trước Cầu hàng xăng dầu;

c. Thoát nước:

- Thoát nước mưa: hướng thoát theo hướng dốc san nền; hệ thống thoát nước mưa thu nước thoát về mương thoát sau đó thoát về cống qua đường hiện có;

d. Cấp nước:

- Nguồn nước: Sử dụng phương án vận chuyển nước bằng xe chuyên dùng;
- Hệ thống cấp nước theo hồ sơ thiết kế;

e. Cấp điện:

- Nguồn điện: đầu nối từ trạm điện hiện có tại khu vực;
- Hệ thống cấp điện ngầm theo hồ sơ thiết kế;

f. Vệ sinh môi trường:

- Nước thải sinh hoạt được xử lý cục bộ bằng hệ thống bê tự hoại sau đó thoát chung vào hệ thống thoát nước mưa;
- Dầu thải được thu gom về khu chứa rác, sau đó vận chuyển đến khu xử lý chung;

Điều 2. Tổ chức thực hiện:

- Công ty cổ phần Thương mại và Dịch vụ Bình Liêu (Chủ đầu tư) triển khai các bước tiếp theo của dự án theo quy định công bố công khai quy hoạch được duyệt; hoàn thiện các hồ sơ thiết kế, dự án, thẩm tra phòng chống cháy nổ, đầu nối hạ tầng kỹ thuật; lưu trữ hồ sơ; hoàn thiện hồ sơ đất đai; cấp phép xây dựng, triển khai xây dựng công trình theo quy hoạch và thiết kế được duyệt;

- Ủy ban Nhân huyện Bình Liêu phối hợp với Chủ đầu tư công bố, công khai quy hoạch; quản lý giám sát việc xây dựng công trình theo quy hoạch được duyệt; đình chỉ xây dựng, xử phạt hành chính, cưỡng chế phá dỡ những công

trình xây dựng trái phép, xây dựng sai phép, xây dựng không tuân theo quy hoạch được duyệt theo quy định;

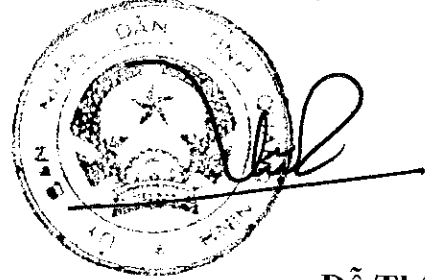
- Sở Xây dựng thực hiện chức năng quản lý Nhà nước về quy hoạch xây dựng; thẩm định thiết kế xây dựng công trình, cấp phép xây dựng các công trình thuộc thẩm quyền theo quy định.

Điều 3. Các Ông (Bà): Chánh Văn phòng Ủy ban Nhân dân tỉnh; Giám đốc các Sở, ngành: Kế hoạch và Đầu tư, Xây dựng, Tài nguyên và Môi trường, Giao Thông Vận tải; Công an tỉnh; Chủ tịch Ủy ban Nhân dân huyện Bình Liêu; Công ty cổ phần Thương mại và Dịch vụ Bình Liêu; Thủ trưởng các ngành và đơn vị liên quan căn cứ quyết định thi hành./ 76

Nơi nhận:

- CT, các PCT UBND tỉnh (B/c);
- Như điều 3 (thực hiện);
- V0, V1, V2, V3, HC1, QH1, QLĐD1-2, GT1-2, XD1-2, CN1, TH1;
- Lưu: VT, QH2.
30 bản-QĐ14

TM. UBND TỈNH QUẢNG NINH
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Đỗ Thông